

Bản án số: 94/2018/HS-PT

Ngày 03 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Cao Khánh

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Quách Xía Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 95/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Trần Lê Kim N do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Cà M.

- Bị cáo có kháng cáo và có liên quan đến kháng nghị:

Họ và tên: Trần Lê Kim N, sinh năm 1989 tại thành phố Cà M

Nơi cư trú: Số nhà 444, đường Nguyễn Trãi, Khóm 6, Phường 9, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị B; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bắt truy nã ngày 03/01/2018; Tạm giữ ngày 04/01/2018; Tạm giữ ngày 07/01/2018. Bị cáo bị tạm giam có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng luật sư Ngô Đình C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuốc lá H. Trụ sở: Số 17, đường Phan Đình P, Phường 2, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lý Mỹ K, chức vụ: Giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lê Thị B, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số nhà 444, đường Nguyễn Trãi, Khóm 6, Phường 9, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2013, Trần Lê Kim N được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuốc lá H (gọi tắt là Công ty Thuốc lá H), địa chỉ: Số 17, Phan Đình Phùng, Phường 2, thành phố Cà Mau do bà Lý Mỹ K làm giám đốc tuyển vào làm nhân viên kế toán bán hàng. N được phân công nhiệm vụ là viết hóa đơn bán hàng; cập nhật hóa đơn chứng từ đầu vào, đầu ra; viết thông tin trên tờ ủy nhiệm chi; mang ủy nhiệm chi đến N hàng để thực hiện lệnh chuyển tiền cho các đơn vị cung cấp theo chỉ đạo của bà K.

Lợi dụng sự sơ hở, lỏng lẻo của bà K trong việc quản lý ủy nhiệm chi ký sẵn, cũng như ký ủy nhiệm chi không kiểm tra lại nội dung và thiếu kiểm tra công nợ, nguồn tiền chi trả. Trong khoảng thời gian tháng 12 năm 2015 đến tháng 07 năm 2016, N thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty Thuốc lá H để trả nợ và tiêu xài cá nhân bằng cách thay đổi tên tài khoản khách hàng thụ hưởng sang tên tài khoản của bà Lê Thị B, là mẹ ruột của N, có số tài khoản cùng hệ thống Sacombank với Công ty Thuốc lá H để N hàng Sacombank thực hiện lệnh chuyển tiền vào tài khoản Lê Thị B rồi N lấy thẻ ATM của bà Bình để rút tiền và chiếm đoạt. Cụ thể, các lần khách hàng thụ hưởng bị thay đổi thành tên tài khoản của bà Bình gồm:

Lần 1: Ngày 07/12/2015, chuyển trả tiền cho Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ vận tải Hải Y theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000097 ngày 24/11/2015, số tiền 33.088.000 đồng cho phí dịch vụ vận chuyển dầu ăn từ Vũng Tàu về Cà Mau.

Lần 2: Ngày 18/01/2016, chuyển trả số tiền 40.000.000 đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường A – Nhà máy dầu Phú M, thị trấn Phú M, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo số nợ tính đến ngày 18/01/2016 là 277.050.399 đồng.

Lần 3: Ngày 21/3/2016, chuyển trả tiền 14.542.846 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối Tiên T.

Lần 4: Ngày 02/4/2016, chuyển trả số tiền 15.316.000 đồng cho Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ vận tải Hải Y theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000187, ngày 25/3/2016 số tiền 15.116.000 đồng cho phí dịch vụ vận chuyển dầu ăn từ Vũng Tàu về Cà Mau.

Lần 5: Ngày 27/4/2016, chuyển trả tiền theo số tiền 18.000.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối Tiên T số tiền nợ phát sinh trong tháng 4/2016 là 17.566.870 đồng.

Lần 6: Ngày 06/5/2016, chuyển số tiền 55.766.700 đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường A – Nhà máy dầu Phú M.

Lần 7: Ngày 25/5/2016, chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường A – Nhà máy dầu Phú M.

Lần 8: Ngày 21/6/2016, chuyển số tiền 130.000.000 đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường A – Nhà máy dầu Phú M. Đối với số tiền này, N chiếm đoạt 30.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng N nộp tiền mặt chuyển vào tài khoản của Công ty dầu Tường A cùng ngày 21/6/2016.

Lần 9: Ngày 05/7/2016, chuyển trả tiền cho Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ vận tải Hải Y theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000241, ngày 23/6/2016 số tiền 18.352.400 đồng cho dịch vụ vận chuyển dầu ăn từ Vũng Tàu về Cà Mau.

Lần 10: Ngày 22/7/2016, chuyển trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối Tiên T số tiền 22.181.334 đồng nợ tính theo hóa đơn mua hàng số 200220 ngày 21/7/2016.

Như vậy, tổng số tiền N chiếm đoạt của Công ty Thuốc lá H là 267.246.880 đồng.

Trong khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm tội, nhằm để che giấu hành vi chiếm đoạt tài sản nên N đã chuyển trả một phần tiền cho các đối tác của Công ty Thuốc lá Hậu. N chuyển trả tiền 04 lần, cụ thể:

- Ngày 10/3/2016, chuyển trả cho Công ty Hải Y số tiền 3.088.000 đồng (trong số tiền 33.088.000 đồng mà N chiếm đoạt ngày 07/12/2015 ở lần 1);

- Ngày 20/4/2016, chuyển trả cho Công ty Hải Y số tiền 15.316.000 đồng (số tiền mà N chiếm đoạt ngày 02/4/2016, lần 4);

- Ngày 19/5/2016, chuyển trả cho Công ty Tường A số tiền 39.415.921 đồng (trong số tiền 55.766.700 đồng mà N chiếm đoạt ngày 06/5/2016 ở lần 6);

- Ngày 26/7/2016, chuyển trả cho Công ty Hải Y số tiền 18.352.000 đồng (số tiền mà N chiếm đoạt ngày 05/7/2016 ở lần 9);

Tổng số tiền N nộp lại cho các đối tác là 76.171.921 đồng.

Quá trình điều tra, bà K khai: Đối với 10 ủy nhiệm chi của các lần chuyển tiền nêu trên, bà K đưa cho N các ủy nhiệm chi đã ký và đóng dấu sẵn, chưa ghi nội dung và yêu cầu N ghi thông tin và mang đến N hàng chuyển khoản cho các đơn vị cung cấp. Việc N không ghi tên và số tài khoản khách hàng thụ hưởng vào ủy nhiệm chi mà ghi tên và số tài khoản bà B, mẹ của N thì bà K không phát hiện.

Đối với Trần Lê Kim N khai nhận: Thường thì ủy nhiệm chi, bà K đưa N có số lượng bằng số tờ phải chuyển cho đơn vị cung cấp. Tờ ủy nhiệm chi chưa ghi nội dung thì N ghi nội dung. N điền nội dung đơn vị chuyển tiền là Công ty thuốc lá Hậu và người thụ hưởng, số tiền chuyển theo yêu cầu của bà K rồi đưa lại cho bà kiểm tra. Khi nào viết nhiều tờ ủy nhiệm chi thì N chen vào 01 tờ để dưới thay đổi tên người thụ hưởng là Lê Thị B. Bà K ký tờ trên, rồi các tờ sau chỉ lật ký mà không coi lại nội dung người thụ hưởng là ai. Cũng có khi, bà K bận công việc và tin tưởng đưa N tờ ủy nhiệm chi đã ký sẵn và chưa ghi nội dung nên N lợi dụng thay đổi tên người thụ hưởng nhưng không nhớ rõ lần nào thực hiện hành vi chiếm đoạt theo cách thức nào.

Tại Kết luận giám định số 47-GĐ-2017, ngày 08/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cà Mau thể hiện:

Chữ viết, chữ số từ mục: “Cá nhân/Đơn vị chuyển tiền/Remitter” đến mục “Nội dung/Narrative” và chữ số ở mục: “SỐ TIỀN BẰNG SỐ Amount in figures” trên 10 “ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER” ngày 07/12/2015; ngày 18/01/2016; ngày 27/4/2016; ngày 21/3/2016; ngày 02/4/2016; ngày 06/5/2016; ngày 25/5/2016; ngày 21/6/2016; ngày 05/7/2016; và ngày 22/7/2016 (Ký hiệu từ A1 đến A10) so với chữ viết, chữ số trên 02 “Tờ Tường Trình” ghi họ tên Trần Lê

Kim N, ngày 13/01/2017 và ngày 13/01/2017 (Ký hiệu M1; M2) là do cùng một người viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 78/TB – TA ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Lê Kim N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Lê Kim N 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, bị cáo Trần Lê Kim N có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền 76.171.921 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M kháng nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” đối với bị cáo Trần Lê Kim N.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa giữ ý kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật theo hướng không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, đồng thời giảm cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, kháng nghị để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lê Kim N thừa nhận: Lợi dụng sự sơ hở, lỏng lẻo của bà Lý Mỹ K - Giám đốc Công ty Thuốc lá H trong việc quản lý ủy nhiệm chi ký sẵn, cũng như ký ủy nhiệm chi không kiểm tra lại nội dung và thiếu kiểm tra công nợ, nguồn tiền chi trả. Trong khoảng thời gian tháng 12 năm 2015 đến tháng 07 năm 2016, Bị cáo N đã 10 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty Thuốc lá H để trả nợ và tiêu xài cá nhân bằng cách thay đổi tên tài khoản khách hàng thụ hưởng sang tên tài khoản của bà Lê Thị B, là mẹ ruột của N, có sổ tài khoản cùng hệ thống

Sacombank với Công ty Thuốc lá H để N hàng Sacombank thực hiện lệnh chuyển tiền vào tài khoản Lê Thị B rồi N lấy thẻ ATM của bà B để rút tiền 367.246.880 đồng, sau đó bị cáo chuyển cho các khách hàng thụ hưởng số tiền 176.171.921 đồng.

Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Án sơ thẩm xác định khoản tiền 76.171.921 đồng, bị cáo chuyển trả một phần cho các đơn vị cung cấp của bị hại tại các ủy nhiệm chi lần 1, 4, 6, 9 là tiền bị cáo nộp khắc phục hậu quả và quy kết bị cáo chiếm đoạt đối với khoản tiền này là chưa chính xác. Bởi lẽ, khi nhận tài sản từ bị hại, bị cáo đã thực hiện việc chuyển khoản vào tài khoản của bà B và sau đó, bị cáo đã chuyển trả một phần cho các đơn vị cung cấp nhằm mục đích che giấu để tiếp tục thực hiện việc phạm tội, chiếm đoạt số tiền còn lại. Mặc khác, tại Ủy nhiệm chi lần 8, bị cáo cũng đã chuyển trả cho đơn vị cung cấp 100.000.000 đồng, cách thức thực hiện hành vi là hoàn toàn giống bốn lần đã thực hiện nêu trên thì cấp sơ thẩm lại không truy tố, xét xử bị cáo chiếm đoạt khoản tiền này. Hơn nữa quá trình điều tra bị hại chỉ xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt chỉ có 191.074.479 đồng. Do đó quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng số tiền 76.171.921 đồng là tiền khắc phục hậu quả là chưa phù hợp vì thời điểm này sự việc chưa được phát hiện (Bị cáo đã chuyển trả năm 2016, đến năm 2017 mới khởi tố vụ án).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không quy kết trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền bị cáo đã chuyển trả cho các đơn vị thụ hưởng với số tiền là 76.171.921 đồng. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền thực tế chiếm đoạt là 191.074.479 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo bị xét xử theo khoản nhẹ hơn so với cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ lượng hình lại đối với bị cáo nhằm tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M thấy rằng: Tại các lần bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại, không có lần nào bị cáo chiếm đoạt số tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Việc bị cáo phạm tội nhiều lần đã được cộng dồn thành tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do đó, án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo.

[4]. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu chứng minh ông nội của bị cáo là ông Trần Văn L và ông ngoại của bị cáo là ông Lê Quang H là người có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy bị cáo N không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục xong toàn bộ thiệt hại;

phía bị hại có đơn bãi nại; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu theo quy định pháp luật.

[6]. Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 78/TB – TA ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M về áp dụng pháp luật và hình phạt.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Lê Kim N **02 (hai) năm tù** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2018.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Lê Kim N phải chịu 200.000 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà M;
- Công an thành phố Cà M;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M;
- Chi cục THADS thành phố Cà M;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Chung Văn Kết